

TIỂU THUYẾT VIỆT NAM SAU 1986 – NHÌN TỪ LÍ THUYẾT ĐỐI THOẠI

(*Khảo sát qua tiểu thuyết Nguyễn Việt Hà*)

Lê Thị Thúy Hằng¹

Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Khoa học Huế

Email: hangthuy83@gmail.com

TÓM TẮT

M. Bakhtin là nhà triết học, mỹ học và nghiên cứu văn học lỗi lạc ở Liên Xô thế kỷ XX. Nội hàm trung tâm của những phạm trù mỹ học đồng thời là triết học của Bakhtin chính là “phức điệu”, “nguyên tắc phức điệu”. Trong hệ thống khái niệm của Bakhtin, “phức điệu” là “đa thanh” ở độ phát triển cao nhất. Tính đa thanh trong văn chương là biểu hiện của nguyên tắc đối thoại được Bakhtin quan niệm như là một thuộc tính phổ biến của tư duy con người. Bởi đối thoại là bản chất của ý thức, bản chất của tư duy.

Những năm 86 trở lại đây, cùng với sự đổi mới trong tư duy nghệ thuật, nhiều vấn đề về bản chất, quy luật của văn học Việt Nam được đem ra mổ xẻ, bàn luận, trong đó có quan niệm về tiểu thuyết. Với sự đổi mới trong tư duy sáng tạo và nghệ thuật biểu hiện, các nhà tiểu thuyết Việt Nam cũng làm một cuộc đối thoại riêng trong hành trình sôi động của văn chương thế giới - một hình thức liên chủ thể sáng tạo. Từ lý thuyết đối thoại của Bakhtin, sự lựa chọn “Tiểu thuyết Việt Nam sau năm 1986 – nhìn từ lý thuyết đối thoại (Khảo sát qua tiểu thuyết Nguyễn Việt Hà)” góp thêm vào bản tổng phổ nhiều bề trong hành trình tìm kiếm bản thể người của các nhà tiểu thuyết Việt Nam nói chung, Nguyễn Việt Hà nói riêng. Đó là cuộc đối thoại bắt nguồn từ ý thức hệ, từ cấp độ tư tưởng trong sự va đập giữa văn chương và đời sống.

Từ khóa: Đối thoại, Nguyên lý đối thoại, Nhận thức lại, Diễn ngôn

Phạm Vĩnh Cư – một trong những người am tường về Bakhtin ở Việt Nam nhận định: “Trong triết học nhân bản của M. Bakhtin, *đối thoại* là phạm trù nền... Đối thoại là bản chất của ý thức, bản chất của tư duy con người [1]. Tinh thần triết học của Bakhtin ảnh hưởng suốt thế kỷ XX, bước sang thế kỷ XXI vẫn còn nguyên hấp lực và đâu đó hàm chứa những điều bất khả giải. Luận thuyết của nhà triết học, mỹ học và nghiên cứu văn học thiên tài khi mới xuất hiện có thể gây phản ứng như cách người ta không chấp nhận tư tưởng vượt ngưỡng so với thời đại, tuy nhiên đó là điều đã xảy ra và đã được ghi nhận. Vì vậy, cho đến nay, nếu Bakhtin đủ căn cứ gọi “Những cuộc đối thoại kiểu Socrate là tiểu thuyết thời Cổ đại” [2] thì ông chính là người cấp cho tiểu thuyết hiện đại căn cốt của lý thuyết đối thoại qua khảo sát tiểu thuyết Dostoievsky và Rabelais. Bởi ở đó, Bakhtin nhận ra *ý nghĩa giải phóng và giải – vật – hóa con người ở hình thức nghệ thuật, tìm ra con người trong con người* một cách triệt để nhất, thông

¹ Nghiên cứu sinh, khóa năm 2012

qua đối thoại. Cuộc vượt biên lí thuyết đối thoại của Bakhtin bắt gặp trong tư duy đổi mới của các nhà tiểu thuyết Việt Nam đương đại.

Trước 1975, người ta chỉ chấp nhận khung hệ hình đã được định sẵn. Không khí đổi mới của Đại hội VI năm 1986 đã thổi một luồng gió lớn vào đời sống văn học nghệ thuật nước nhà, mở ra chặng đường phát triển sôi nổi của văn học Việt Nam trên tinh thần đổi mới tư duy và nhìn thẳng vào sự thật. Tiểu thuyết được dịp tỏ rõ “Chức năng hàng đầu, sứ mệnh của tiểu thuyết là xét lại, nhận thức lại, đánh giá lại tất cả” [1]. Điều này vô hình chung là vấn đề các tiểu thuyết gia đang trăn trở. Sự “nhận thức lại, đánh giá lại tất cả” như Bakhtin quan niệm đã tạo tiền đề cho tiếng nói đa thanh, đa âm sắc, đa giọng điệu... Tính đa thanh với “Nhiều tiếng nói và nhiều ý thức độc lập không hòa đồng với nhau, tính phức điệu thực thụ của những tiếng nói có đầy đủ giá trị” [3] chính là một trong những đặc điểm cơ bản của tiểu thuyết Việt Nam đương đại. Và trong hệ thống khái niệm của Bakhtin: “Tính *đa thanh* trong văn chương là biểu hiện của nguyên tắc đối thoại được Bakhtin quan niệm như một thuộc tính phổ biến của tư duy con người” [1]. Tư duy đối thoại gắn liền với cảm hứng nhận thức lại các giá trị cũ về đạo đức xã hội, lịch sử, văn hóa, tôn giáo đến những giá trị của văn học nghệ thuật... được đem ra bàn định trong tiểu thuyết Việt Nam sôi nổi từ sau năm 1986. Sáng tác của Bảo Ninh, Hồ Anh Thái, Võ Thị Hảo, Tạ Duy Anh, Thuận, Nguyễn Bình Phương, Nguyễn Xuân Khánh, Phạm Thị Hoài, Nguyễn Việt Hà, Đỗ Phấn... là cuộc đối thoại của tác giả với những tư tưởng triết mỹ và tạo điều kiện cho các tư tưởng này đối thoại với nhau. Các tiểu thuyết gia Việt Nam đã làm cho tác phẩm của mình vượt thoát khỏi bóng dáng của những cuốn lịch sử, tôn giáo, giáo lí thông thường. Họ thẳng thắn đặt ra và đối thoại với nhiều quan điểm, học thuyết triết mỹ khác nhau từ truyền thống – hiện đại, cũ – mới, thiện – ác, tốt – xấu... Cái mới nảy sinh trong chính vấn đề đem ra đối thoại, tranh luận, tư biện để tìm ra căn cốt con người trong cuộc hiện sinh nhọc nhằn.

Trong vô vàn tiếng nói khác nhau, Nguyễn Việt Hà góp thêm vào bản tổng phổ nhiều bề một thanh âm khác. Qua *Cơ hội của Chúa*, *Khải huyền muộn*, nhân vật của nhà văn đang loay hoay xoay sở với bản thân, lựa chọn cách ứng xử trong cùng quẫn mà chính anh ta dự phần đẩy mình tham dự. Thực hiện hành động này vô tình/cố ý, các nhân vật luôn bắt mình phải suy nghĩ. Dù cùng quẫn, bế tắc song họ luôn nhận thức, làm chủ được nó mặc dù đôi khi chỉ là nửa vơi. “Ý thức bắt đầu ở đâu thì ở đó có đối thoại” [3]. Điều Nguyễn Việt Hà muốn luận bàn, đối thoại ở tiểu thuyết của mình là những giá trị cũ được nhận thức lại trong cơn biến động của thời cuộc và đức tin, thậm chí hoài nghi cả tôn giáo để tìm ra bản ngã.

1. Đối thoại với hiện tại và nhận thức lại giá trị truyền thống

Xuất phát từ hiện tại, các nhà tiểu thuyết Việt Nam cảm nhận sự vênh lệch giữa thực tại và các giá trị truyền thống bởi truyền thống dường như bị xem nhẹ, hoặc trở nên lỗi thời. Vì vậy, những đổ vỡ, bất tín nhận thức, đức tin hay xu thế đối thoại với lịch sử, huyền thoại trong các sáng tác của Thuận, Nguyễn Xuân Khánh, Hồ Anh Thái... được đem ra minh định lại. Nguyễn Việt Hà không nặng nề tính phê phán trên bề mặt câu

chữ. Nhà văn thích bốn cột trên tinh thần triết lí sâu xa. Tất cả mặt trái của kinh tế thị trường thời mở cửa, quan chức tham ô, buôn lậu, dốt nát, học làm sang, mua quan bán chức... bị phơi bày và vấn đề tôn giáo được đem ra làm cứu cánh cho con người khi bế tắc. Nổi bật hơn cả trong tiểu thuyết Nguyễn Việt Hà chính là sự lỗi thời trước gấp gáp của hiện tại bởi những đổ vỡ của khung gia đình cũ. Những vấn đề về xã hội hiện tại, ứng xử trong gia đình, chung thủy, trinh tiết hay đạo đức được nhà văn đem ra đối thoại. Và nếu xem đối thoại là phản biện thì Nguyễn Việt Hà không nhận thức lại giá trị truyền thống mà tác phẩm của ông là cuộc đối thoại với hiện tại, với hiện thực đời sống hôm nay để khẳng định giá trị cũ.

Hầu hết các nhân vật chính trong *Cơ hội của Chúa*, *Khải huyền muộn* đều được phép đối thoại. Câu chuyện cuộc đời mỗi nhân vật với những mối quan hệ công việc làm ăn, gia đình, yêu đương, bạn bè chông chéo. Ở đó, mỗi người được quan sát dưới một góc độ, nhìn nhận riêng. Những cũ – mới, văn minh – lỗi thời, hiện tại – xưa cũ, đạo đức – vô đạo đức như một cuốn sổ viết riêng được nhà văn khéo léo sắp xếp lại bằng sự nối kết đầy hấp lực của thể loại tiểu thuyết. Với sự vênh lệch về thời hiện tại trong chính cách đánh giá, cảm nhận của thế hệ trẻ, Hoàng, Tâm, Nhã, Thủy, Vũ, Cẩm My, Bạch – những con người mang trong mình nhiệt huyết, tình yêu tuổi trẻ và đều bị vấp ngã. Mỗi người tự chọn một cách vượt qua.

Trong cách nhìn của mỗi nhân vật, Hà Nội của những ngày đô thị hóa hiện lên thảm hại, đáng buồn. Với Hoàng trong *Cơ hội của Chúa* (qua khoảnh khắc đón Tâm ở sân bay), một góc Hà Nội thu nhỏ: nữ mẫu dịch viên khinh bỉ nhìn khách hàng, bán những món ăn đã hoàn toàn hết hạn, xúc xích thâm tím, giữa hai lát cắt là xác con nhặng, bánh mì chua, miếng pate ủng mùi sông Tô Lịch, vài mảnh cá sụn lều bều cạnh mấy càng cua bể lạnh ngắt ngâm trong vũng nước sền sệt ẩm; Hà Nội những ngày tháng không có Tâm: trong các quán bar, những cô gái 19 tuổi không mặc áo ngực hở hên tiếp thị, con gái xinh hơn, những tiểu thư có mẹ buôn bán gia súc lớn nhất chợ Đồng Xuân nước hoa Pháp lẫn mùi phân gà tươi, cà phê nhiều hơn, những trò chơi của đám trẻ bị thất truyền do các băng điện tử bóp chết... chính là mô hình tiên tiến, mẫu mực lúc ấy. Hải Phòng lại loay hoay đang lớn với hình ảnh gã đàn ông 40 tuổi đâm đá một người phụ nữ gày gò mà mọi người đứng dừng xem. Nền kinh tế mới phát sinh phụ tùng đi kèm: đứa bé 16 tuổi bán chết một gia đình vì 200 ngàn, những cuộc trầm mình tự tử vì phát hiện vợ chưa cưới trốn gặt ra thành phố hành nghề, thằng bé học lớp com nát chửi bậy quá xuất sắc... Sài Gòn là nơi thu lượm những sản phẩm sai lầm là một chàng trai tồn tại giữa kẽ nứt của sự tan vỡ hạnh phúc gia đình; quý cô con gái một cán bộ chống buôn lậu trở thành kẻ buôn lậu... kết quả là những sản phẩm ấy là thất tình, thất nghiệp và vùi trong bài bạc, men rượu.

Sự gấp gáp, vội vã của thời cuộc đã tạo đà cho cái gọi là trượt dốc, tha hóa. Tất cả những giá trị được xem là chuẩn mực, là khung thẩm định phẩm giá của con người bị đem ra xét lại. Về trinh tiết, thủy chung, đạo đức xưa cũ bỗng trở nên xuống cấp trước hiện tại. Nguyễn Việt Hà để cho các nhân vật tự do luận bàn nhưng trong sâu xa nhà

văn không tránh khỏi cái nhìn đau đớn. Nhà văn không có ý định đi tìm một Hà Nội, Hải Phòng, Sài Gòn của ngày xưa, chỉ miêu tả một hiện thực hiện hữu. Con người cũng dần mài mòn, tự nguyện tan rã cùng thực tại khắc nghiệt. Gia đình, nền tảng của xã hội không còn giữ được lẽ thói cũ. Gia đình Nhã là minh chứng cho luận điệu “*trí thức với nông dân là không thể liên minh*”. Vì vậy, việc Nhã yêu và có con với thầy giáo lại mặc cả với cha mình bằng một hợp đồng kinh tế hai bên đều có lợi. Sự mặc cả trong danh dự giữa cha và con thẳng thắn, sòng phẳng đến lạnh lẽo. Cẩm My trong *Khải huyền muộn* lại là đứa con mà bố mẹ chỉ chung sống với nhau hai năm và li thân. Bố mẹ đều mặc sức lao vào những cuộc tình và người tình của mẹ đã không kìm nén được dục vọng trước sự xinh đẹp của Cẩm My... Chuẩn mực gia đình không còn là điều người ta băn khoăn giữ gìn, nhìn nhau để ứng xử, người lớn không thể là tấm gương cho con trẻ. Con trẻ không học tập được gì từ người lớn bởi bản thân không được va đập với môi trường vô trùng, với những chuẩn mực tốt đẹp. Kết quả của chuẩn mực bị phá vỡ là những dấu hiệu, mầm mống lưu manh, vô tâm và vô đạo đức của tương lai. Vậy, gia đình truyền thống phải chăng là điều tác giả cần tương tác, đối thoại để người hôm nay nhìn lại và giữ lấy?

Điều làm nhà văn Nguyễn Việt Hà trăn trở đặc biệt qua tiểu thuyết của mình trong vô vàn đối thoại về giá trị cũ cần nhận thức lại còn là những băn khoăn khác về quan niệm chung thủy, trinh tiết, tiết hạnh, đạo đức thời hiện tại. Không bắt ép phân biệt rõ ràng đúng sai, Nguyễn Việt Hà để cho người đọc tự phân định lấy thông qua câu chuyện về nhân vật. Liệu trinh tiết, đức hạnh có còn cần khi một người con gái bị người yêu là thầy giáo với vẻ ngoài đạo mạo giả dối đánh đổi để cầu danh. Nhã một mình sinh con, sống bất chấp dư luận, khinh miệt tất cả đàn ông (trừ người bạn thân là Hoàng). Bất cần và ngạo nghễ là cách lựa chọn của Nhã sau những tháng ngày bị ruồng bỏ. Đây là điều người đàn bà mạnh mẽ sau cú vấp ngã đau đớn đầu đời tự đứng dậy. Người ta vẫn cần phong văn hóa, đạo đức cũ làm chuẩn mực. Nhưng sự vận động của xã hội lại không tuân theo những dự đồ định sẵn. Nhã của Nguyễn Việt Hà vẫn chưa cùng quẫn. Trinh tiết, với Nhã “*Phuong Đông dạy nghiêng hơn Phuong Tây. Cả một hệ thống nghi lễ chèn chặt quanh khái niệm này... chết là sự cực nhỏ, thất tiết mới là sự cực lớn*”. Đó là “*một sự dạy nghiêng có bề dày lịch sử*”. Liệu điều Nhã đặt ra có phải là chống đối, báng bỏ phi lí? Xã hội có thể bắt đồng cười nhạo quay lưng, thậm chí thóa mạ... Vậy đâu là cách ứng xử được xem là có lí, nhân đạo với Nhã? Đã là thiếu phụ sinh con thì không còn trinh tiết. Xã hội lại đòi hỏi trinh tiết. Đạo Thiên Chúa ca ngợi Đức mẹ sinh con mà vẫn đồng trinh. Chữ trinh tiết ở đây có lẽ đã được nâng lên, xóa bỏ cách hiểu thông tục thường thấy. Cả lòng chung thủy, nó cũng chỉ là “*khái niệm ước lệ để rồi đây vợ chồng bầu vùi vào tôn trọng nhau*”. Tác giả dự cảm “*nó là thuật ngữ đẹp, nhưng đẹp đều không thật và dễ trở thành đạo đức giả*”. Tiết hạnh ở *Khải huyền muộn* chỉ được luận bàn trên giấy khi nó là đề tài nghiên cứu sinh của chị Hải – có hai đời chồng và hiện tại đang yêu bố Cẩm My cũng là người hướng dẫn luận án của chị. “*Tiết hạnh, một đặc thù độc đáo của phụ nữ Việt*” tên đề tài và người thực hiện, hướng dẫn nó trở thành trò cười cho xã hội. Bởi trong hiện thực này, sự sa sút đạo đức đang trở nên phổ biến và

đáng báo động. Nguyễn Việt Hà đã luận bàn bằng những đối thoại về những chuẩn mực theo cách riêng của mình. Không hẳn xác quyết, đồng tình nhưng cũng không hề bác bỏ. Có phải các nhà văn đang ít dần niềm tin trước thực tại? Đó chỉ là đối thoại gợi mở theo cách Nguyễn Việt Hà để kêu gọi một đối thoại hồi đáp khác.

Đạo đức thời nay được nhà văn miêu tả tào bạo và nghiệt ngã hơn. Những luận bàn về đạo đức không còn nhất phiến mà sinh động trong nhiều tiếng nói khác nhau. Đạo đức của người quân tử là: “*Dĩm đập lên người khác là chuyện bé và ai đấy hơi phiến là chuyện lớn. Thời buổi kinh tế hết những nhà đạo đức thật*”; “*Đạo đức thật tồn tại chừng mực ở cuộc sống, nhưng khi đã trượt sang chuyện sách vở nó chứa đầy đạo đức giả*”; qua lời răn dạy của mẹ Tâm với con: “*Làm gì thì làm nhưng phải để đức cho con cháu. Hóa ra giá trị đạo đức là đem tương lai dọa dẫm hiện tại*”. Con người cần phải sống dựa vào những giá trị tưởng như đã lỗi thời trong hiện tại. Điều này hoàn toàn cần thiết cho hiện tại. Chính nhân vật của Nguyễn Việt Hà suy luận “*Người có đức tiếp với vật mà chẳng chối, dùng với vật mà chẳng lụy vào vật*”... nhà văn muốn nhấn mạnh đến nhân tố con người. Con người hoàn toàn có thể tránh xa những cái vô đạo. Bên cạnh những tha hóa, trượt dốc vô tình hay cố ý đạo đức thời nào cũng cần có như nhau. Vì vậy, giá trị cũ tốt đẹp thì không lỗi thời.

Qua đối thoại, Nguyễn Việt Hà khẳng định những giá trị tư tưởng nhân sinh tốt đẹp con người cần phải lưu giữ và sử dụng cho mọi thời.

2. Đối thoại về đức tin và tôn giáo

Vấn đề đức tin và tôn giáo trở thành một chủ đề lớn trong sáng tác của Nguyễn Việt Hà. *Cơ hội của Chúa* (tiểu thuyết), *Mãi không tới núi* (truyện ngắn) và *Khải huyền muôn* (tiểu thuyết) là sự nối tiếp những bản thảo, hoài nghi nơi nhân vật của anh trên hành trình tìm đến đức tin. Nhân vật của Nguyễn Việt Hà mỗi lần tự vấn trước thất bại, vấp ngã hoặc mỗi khúc quanh của cuộc đời đều đi tìm sự giải thoát về đức tin tôn giáo. Hoàng là một đại diện tiêu biểu cho *Cơ hội của Chúa* với những khám phá trong chính nội tâm và tiếp nhận, luận giải cuộc sống bằng những va đập, hoài nghi, ngỡ vực tôn giáo khi niềm tin, đức tin bị đổ vỡ. Nhân vật Vũ, nhà văn Bạch (*Khải huyền muôn*) lại có những bản thảo trên con đường tìm đến, củng cố niềm tin trong cuộc sống và trong hành trình sáng tạo văn chương.

Hoàng, Nhã, Tâm, Thủy trong *Cơ hội của Chúa* là đại diện cho thế hệ trí thức trẻ bắt đầu rũ bỏ xã hội bao cấp bước sang thời mở cửa của nền kinh tế thị trường. Mỗi người đều tự tìm cách để đi đến đích, đến lí tưởng mà bản thân lựa chọn. Tiêu biểu cho hành trình đó là Hoàng với mối quan hệ ràng buộc: Hoàng – gia đình, Hoàng – bạn bè, Hoàng – tình yêu và Hoàng – công việc. Và hầu như trên bất kì phương diện nào Hoàng đều là kẻ thất bại hoặc đi sau bạn bè. Hoàng là người có tài, song có thể gọi anh là kẻ lạc thời bởi anh là người có nhân cách. Cách ứng xử của Hoàng khác tất cả con người thời đại anh. Con người chí khí ban đầu với tự tin, nỗ lực tìm việc làm sau chín tháng vò nát những cố gắng ở Sài Gòn đã tuyệt vọng hoàn toàn. Tự tin với tài năng nhưng điều xã hội lúc đó cần không chỉ tài năng mà còn là sự kết hợp quyền – tiền. Tâm, Hoàng,

Thắng, Du, đại diện cho thế hệ trẻ và tâm huyết có thừa nhưng lại tự tin chỉ cần cái tài và đòi được thực hành. Thất bại và rách/nát/đoạn mệnh là những từ dành cho những con người hăng say bước vào đời chỉ bằng lòng nhiệt tâm. Quay trở ra với Hà Nội, Hoàng gặp được tình yêu nhưng cuộc sống công chức đã vắt kiệt nỗ lực và đẩy anh đến tuyệt vọng, không định hướng tương lai. Trong gia đình, Hoàng là người con, người anh dùng tình yêu thương, quan tâm với nghĩa trong sáng nhất, nhưng lại nhu nhược. Mọi gánh vác, lo toan trách nhiệm nuôi gia đình dồn lên Tâm. Không có lối thoát cho Hoàng. Trong tình bạn, Hoàng có Nhã – thứ tình bạn trong sáng không vụ lợi và đưa bạn thân đoán mệnh là Du. Trong tình yêu, người ta dạy Hoàng phải thủ đoạn mới giữ được hạnh phúc, nhưng đó như điều tối kỵ với lương tâm anh. Hoàng luôn tìm đến với đạo, đức tin, đến những lí giải xung quanh con người.

Hoàng yêu Thủy, tình yêu không toan tính, không định hướng. Với Thủy, Hoàng là mối tình đầu. Với Hoàng, Thủy là mối tình đầu nhưng không phải người con gái đầu tiên, song Hoàng muốn gắn bó và tôn thờ tình yêu đó. Thủy chấp nhận tất cả những tật xấu của Hoàng (nát rượu, bỡn cợt, lòng bông...). Ở tình cảm không toan tính này lại thiếu chất keo là sự chia sẻ. Hoàng yêu Thủy nhưng chưa bao giờ Hoàng muốn để Thủy hiểu con người anh. Vì vậy, những thất bại, đau khổ của Hoàng, Thủy như kẻ đứng ngoài. Hoàng không cho Thủy cảm giác an toàn. Thấp thoáng trong Hoàng sự châm dứt mối duyên với đời khi anh gặp thất bại. Lần đầu tiên sau chín tháng loay hoay ở Sài Gòn kiếm tiền, Hoàng có ý định tự tử: *“không hiểu sao cái cảm giác muốn nhảy từ trên tầng lầu xuống đường cứ day dứt... Sẽ còn rất nhiều ngày giống như hôm nay. Sẽ không còn ràng buộc gì cả”*. Ước mơ, hoài bão, khí thế tuổi trẻ muốn được thể hiện va đập với hiện tại trở nên vỡ vụn. Gặp trắc trở trong tình yêu, ý định tự tử trong Hoàng lại lóe lên ở vô thức. Nhưng *“tôi là một tín đồ cơ đốc giáo và giáo lí không cho phép tôi tự hủy hoại... Xin người đừng bỏ con. Tôi lại trở về sở hữu sự mệt mỏi và bơ vơ”*. Tình yêu hướng Hoàng có đức tin. Nhưng công việc, tình yêu từ bỏ Hoàng. *“Minh chỉ tin vào đức Chúa duy nhất”, “những ngày này con chỉ sống bằng lòng tin”*. Thất bại liên tiếp, đức tin cũng bị lung lay. *“Tôi không thấy nhà thờ... Tôi chẳng tin ai cả, tôi chẳng tin vào cái gì cả. Xã hội chỉ là lừa dối”*. Thậm chí Hoàng đòi chứng thực: *“Sự trong trắng của đức tin bị vấy bẩn bởi những lập luận... Có một sự đối lập thâm thúy giữa đức tin và lí trí. Có những thông điệp của thiên chúa tôi đòi thực chứng... Tôi vĩnh viễn không còn cặp mắt xanh non nhìn đời nữa. Đức tin là món ân tặng của Chúa chứ không phải là món ân tặng của lí luận”*.

Hoàng thực sự bị lung lay bởi đức tin bấy lâu dành cho Chúa. Sống nhân từ, cũng gắng gỏi vươn lên trong cuộc sống nhưng vẫn luôn thất bại. Khi sự thất bại nối tiếp, con người dễ bị lung lay niềm tin. Tuy nhiên, đức tin của Hoàng với thiên chúa được dẫn dắt bởi linh mục Đức – người đã luôn bên cạnh, tranh biện với Hoàng những lúc anh bế tắc, trượt ngã, thất bại. Bức thông điệp của *Cơ hội của Chúa* nằm ở sâu xa: *“Rời Chúa, con người loay hoay tự hoàn thiện mình”*. Bởi suy cho cùng dù có một niềm tin tôn giáo hay kẻ ngoại đạo, con người cần có đức tin để hướng đến cuộc sống. *“Sự cùng quẫn cuối cùng của con người đó là cơ hội của Chúa”*. Nhưng liệu Chúa có

cứu rồi được những con người tự đánh mất niềm tin hay Chúa có cơ hội nào không khi bản thân con người cũng phải tạo cơ hội cho mình?

Nhà văn Bạch và Vũ trong *Khải huyền muôn* đại diện cho hai công việc, suy nghĩ, hành động khác nhau trên hành trình chạm đến đức tin. Bạch không ít lần muốn cắt nghĩa đức tin. “*Nói về đức tin quả thật là khó, làm sao biện giải mình bạch được. Tin cũng giống như yêu, chỉ biết tin là Tin thôi*”. Song, càng về sau, trải qua những dự đoán của cuộc sống, Bạch gián tiếp nhận ra qua lời linh mục Đức “*Chúa Giê-su đã chọn mảnh đất lẫn lộn đen trắng ấy để gieo giống Phúc Âm đầu tiên bởi vì nó cũng là nơi bảo tồn và nuôi dưỡng mạnh mẽ đức tin nhất thần luận*”. Cái phức tạp của thời cuộc là thử thách để đức tin được trui rèn trong mỗi con người. Vì thế, chỉ cần “*mang đức tin vào thôi*”, con người sẽ tự cứu rồi bản thân mình. Hành trình của Bạch trong suốt *Khải huyền muôn* là trở thành nhà văn chân chính và với anh con đường đi quan trọng hơn đích đến. Vì vậy, trên con đường của mình, dù có hỗn loạn, nhố nhăng, nhà văn vẫn xem là sự kiện để anh hoàn thiện hơn ý đồ cho tiểu thuyết, sâu xa hơn là hoàn thiện bản thân. Với suy nghĩ ấy, kẻ tha hóa được nhà văn miêu tả như người bình thường nhất là chất liệu cuộc sống được phản ánh trong sáng tác của anh. Kẻ tha hóa có thể mang gương mặt người bình thường nhưng để hướng tới đức tin lại cần quãng xa hơn. Anh ta có thể bất chợt muốn nắm bắt đức tin nhưng ý nghĩ chỉ xuất hiện thoáng chốc nơi vô thức. Có lẽ đây là điểm khác biệt giữa nhân vật Bạch – “*Người mong manh có đức tin và tôi là nhà văn*” với nhân vật Vũ – một quan chức cao cấp ngành thể thao “*người nói dối nhiều đến mức tin luôn vào điều mình nói dối*” trong cuốn tiểu thuyết của nhân vật Bạch.

Trong truyện ngắn *Mãi không tới núi* của Nguyễn Việt Hà, Vọng muốn trút bỏ tất cả địa vị, công danh, tiền bạc để tìm đến với Chúa. Nhưng bản thân Vọng bị bao vây và sắp đặt bởi quyền lực nên dù anh có muốn thì quyền lực của anh đã chạm và can thiệp đến trước ý nghĩ tốt đẹp của anh khi tìm đến Chúa. Vũ ở *Khải huyền muôn* cũng loay hoay tìm tới Chúa nơi góc ngách rất sâu trong tâm hồn. Nhưng bản thân Vũ là một quan chức điển hình không đại diện cho cái thiện của tương lai nên dù có ý thức kiếm tìm, linh mục Đức vẫn sẽ không xuất hiện. Chỉ có Hoàng và Bạch được trực tiếp trò chuyện hoặc gián tiếp bắt gặp những bút tích của linh mục Đức mà thôi. Thêm một điều đặc biệt nữa của Nguyễn Việt Hà khi để linh mục Đức trong *Cơ hội của Chúa* là nhân vật tư tưởng tiếp sức, viết tiếp đối thoại của nhà văn trong *Khải huyền muôn*.

Trong nhan đề và trở đi trở lại ở đề từ, tranh luận và hoài nghi, các nhân vật của Nguyễn Việt Hà buộc phải dẫn dụ bằng thánh kinh. Kinh Thánh đã suy nghiệm và đúc rút thành tư tưởng, thành ý nghĩ. Vậy điều gì làm nên điều đặc biệt ở tiểu thuyết Nguyễn Việt Hà? Đó là việc khảo sát tác phẩm của nhà văn trên bình diện tương tác, ở tính động/mở của thể loại tiểu thuyết. Mỗi một trích dẫn thánh kinh là một bối cảnh, một hoài nghi, một mong ước cứu chuộc... Nhân vật của Nguyễn Việt Hà trên hành trình tìm đến đức tin vẫn còn nhiều băn khoăn. Con người có niềm tin tôn giáo không thôi chưa đủ, cần hơn nữa là đức tin ấy phải vượt qua rào cản của những cám dỗ, thất bại.

Vượt qua nó, đức tin vẫn còn thì mới tồn tại vĩnh viễn. Nguyễn Việt Hà đã làm một cuộc đối thoại cho đức tin. Sự *phức điệu* này của tiểu thuyết Nguyễn Việt Hà tự cho nó quyền năng để làm mới mình theo cái nhìn phản biện, tương tác, đối thoại.

3. Tính đối thoại trong diễn ngôn nghệ thuật

Nguyễn Việt Hà đã dùng sự tương tác trong chính ngôi kể để thể hiện những quan điểm mang tính đối thoại. Mỗi nhân vật đều là chủ nhân và chứng nhân cho câu chuyện của mình và người khác. Khi kể chuyện, họ đều thể hiện quan niệm với những góc nhìn mang đậm tính chủ quan và logic bắt nguồn từ quan hệ xã hội. Liên tục chuyển đổi điểm nhìn, các nhân vật thay nhau kể chuyện. Vì vậy, cùng là nhân vật Hoàng (*Cơ hội của Chúa*), với Nhã: Hoàng đa cảm, mê tín thậm chí nhân hậu đến nhu nhược; với Thủy, người yêu Hoàng: ở anh có gì lạ lạ. Một nét yếm thế của những người duy tâm. Hình như anh tin có một thượng đế siêu hình nào đó... Ở anh có những cái tốt xấu chen nhau lẫn lộn... của đàn bà, ích kỷ và thô bạo; với Tâm em trai Hoàng, anh lại là người đa cảm. Cô người mẫu Cẩm My (*Khải huyền muôn*) mạnh mẽ, tự lập cũng khác chính cô trong vai trò là nhân vật của nhà văn Bạch. Nguyễn Việt Hà đã cung cấp bản lí lịch về cuộc đời nhân vật của mình thông qua cách đánh giá, nhìn nhận của nhân vật khác. Nhân vật vừa hiện lên khách quan qua nhân vật khác nhưng cũng đầy chủ quan trong cách anh ta tự bộc lộ về mình ở những độc thoại nội tâm. Nhân vật nào cũng có thể là người kể chuyện xung tôi. Điểm nhìn trùng phức với người kể chuyện đa thức (Genette). Nhiều nhân vật cùng kể một câu chuyện hay câu chuyện của nhân vật này lại trở thành câu chuyện của tác giả khác trong tiểu thuyết của họ. Mỗi chủ thể trần thuật lại kể theo cách của mình, có khi trùng khít, khi lại đối lập. Câu chuyện trở nên hấp dẫn bởi tính động của nó trong cách kể và luân phiên trượt điểm nhìn. Người kể chuyện Hoàng, Nhã, Thủy, Tâm (*Cơ hội của Chúa*) và Bạch, Cẩm My (*Khải huyền muôn*) thay thế chỗ tác giả trong việc kể chuyện. Không phải lúc nào các nhân vật ấy đều có sự cố định trong cách người khác suy nghĩ về họ. Thậm chí, ở mỗi thời điểm khác nhau, các nhân vật đều khác so với họ trong mắt người kể chuyện, thậm chí, chính họ trong cảm nhận của bản thân mình. Và điều đặc biệt, không phải ai cũng là người thay đổi đáng tin cậy trong cách nhìn của người còn lại. Với Hoàng, Thủy xinh đẹp, Nhã lại tìm ra vẻ phù phiếm ở Thủy và với Tâm là sự bất an khi nghĩ anh trai mình lấy Thủy. Mỗi nhân vật nắm một khía cạnh của người còn lại. Người đọc tổng thể lại có cái nhìn khách quan. Các tiếng nói không trùng khít nhau cứ tiếp tục vang lên và cuối cùng không có chân lí. Bởi cuối cùng, chính mỗi nhân vật của Nguyễn Việt Hà vẫn còn độc đạo trên hành trình tìm kiếm cuộc sống, đức tin và niềm tin. Nguyễn Việt Hà đã phá vỡ vai trò nhân danh của mình.

Tính đối thoại còn được thể hiện trong ngôn ngữ nghệ thuật. Nguyễn Việt Hà cắt bỏ hoàn toàn những dẫn dắt rườm rà, nhân vật trực diện bộc lộ thứ ngôn ngữ đầy tính bốn cọt, triết lí, rút ngắn khoảng cách giữa bác học với thứ văn hóa của ngôn ngữ bình dân. Ở cả *Cơ hội của Chúa* và *Khải huyền muôn*, Nguyễn Việt Hà gây hấn với người đọc bằng những kết luận, nhận định đầy tính bông đùa: “*trí thức với nông dân là không*

thể liên minh”; “*sự đơn điệu trong quỹ đạo chuyển động là đặc trưng mang đầy tính công chức. Đi xe đạp vòng nửa bờ hồ. Khi tan về vòng nốt nửa kia. Một tháng vẽ đủ 30 vòng*”. Đời sống sinh hoạt công chức ở *Khải huyền muộn* lại là một “*vùng lầy tù đọng nhiều những thói nửa hay nửa dở của đám tiểu thị dân*”. Đạo đức được nhà văn kết luận: *dẫm đạp lên người khác là chuyện bé và ai dẫm hơi phiền là chuyện lớn. Đấy là đạo đức của người quân tử; hoạn lộ có những tiêu chuẩn riêng của nó. Tài đức có thể không cần lắm nhưng nếm mật nằm gai, kiên trì chịu nhục là điều kiện tiên quyết...* Nguyễn Việt Hà có lối viết trần tình, châm biếm sâu cay nhưng với một thái độ lạnh lùng. Tính đối thoại nằm sau những triết lí mang chất giọng lạnh lùng ấy.

Tư duy đối thoại trong nghệ thuật kể chuyện còn thể hiện ở tính liên văn bản với cách đan xen hình thức ngôn ngữ thư tín, nhật kí, kịch. Những lá thư của Trần Bình gửi cho Thủy với những lập luận, lí lẽ sắc bén cho thấy một Nguyễn Việt Hà sắc sảo cất đặt chữ nghĩa đâu vào đấy. Trần Bình được dịp bộc lộ con người khôn khéo, cơ hội trong những dòng thư chất đầy tình cảm gửi cho Thủy – người yêu Hoàng. Tính cách con người Trần Bình còn được bộc lộ rõ nét hơn qua sự kịch hóa hiện thực nghiệt ngã từ ngôi thứ 3 Chàng – Nàng. Chàng – Trần Bình và Nàng – Phương em gái Hoàng, Tâm. Tán người yêu anh trai bạn và ngủ với em gái bạn khi người ta đến cầu xin giúp đỡ. Đó là Trần Bình. Trò chơi cấu trúc liên văn bản còn được Nguyễn Việt Hà thể hiện trong *Khải huyền muộn*. Nhân vật Bạch vừa là người miêu tả, đối tượng của sự miêu tả, vừa là nhà văn và cũng là đóng vai nhân vật trong tiểu thuyết dang dở của mình. Vì vậy, người đọc vẫn bắt gặp trong tác phẩm những đoạn trữ tình ngoại đề được in nghiêng, những trang nguyên chú được xem là của linh mục Đức và cả trích dẫn *Khải huyền*. Văn bản trong văn bản lồng trong nhau không có sự đồng kết. Tính đa thanh trong cách thể hiện là một thành công của Nguyễn Việt Hà trong việc dựng lại con người. Không bằng những miêu tả mà chỉ qua hành động, bản chất nhân vật hiện ra sắc nét.

Nhân vật của Nguyễn Việt Hà còn thường xuyên tự đối thoại, có thể là tự biện, tự trấn an. Có lúc tự thương mình: *những vắn nạn tôi vấp không chỉ vì xé mình tôi, nhưng mọi người vượt qua, còn tôi tụt lại; lúc tra vấn: không hiểu có luân hồi không? Mình chỉ tin vào đức Chúa duy nhất, thân xác chết, linh hồn có trường tồn?; khi lại tự phân thân để mổ xẻ nội tâm: mày là thằng giả dối Hoàng ạ. Giả dối với chính mày. Lại đem lương tâm ra mặc cả chắc... Hoàng, mày phải biết sợ Chúa chứ...* Nguyễn Việt Hà để cho những nhân vật đánh giá về nhân vật, lúc công khai, khi được thể hiện dưới dạng nhật kí, kịch, tiểu thuyết. Mỗi người một tiếng nói và đập nhau cho thấy sự không trùng khít trong cách nhìn nhận của mỗi nhân vật với nhau. Thậm chí, trên cùng một vấn đề, các nhân vật tự do nhìn nhận, tranh biện. Mỗi nhân vật đều có kết luận cuối cùng cho đối tượng của mình, riêng nhà văn vẫn để cho nhân vật tự loay hoay hoàn thiện và không đưa ra bất kì một lời sấm truyền nào. Đến cuối cùng, khi câu chuyện kết thúc lại là một đối thoại khác, là một tranh luận khác kế tiếp về đạo đức. Sự tiếp nối những đối thoại tôn giáo của đức tin mang tên Nguyễn Việt Hà.

Không riêng Nguyễn Việt Hà đang nỗ lực lật lại những giá trị hằng cửu của con người, cũng không chỉ về đức tin, tôn giáo, mà trong đó có cách viết của nhà văn qua nhân vật. *Cơ hội của Chúa* và *Khải huyền muộn* có thể cho chúng ta nhiều hơn những ý nghĩa bề mặt. Những tư tưởng của nhà văn trong tiểu thuyết của mình nói riêng và các nhà tiểu thuyết Việt Nam đương đại nói chung còn rất nhiều thứ để luận bàn. Cả một thế hệ các nhà văn, trong đó, có Nguyễn Việt Hà vẫn đang cân mẫn trên hành trình tìm ý nghĩa cuộc sống, con người thông qua đối thoại. Và nếu Nguyễn Xuân Khánh trên tinh thần đối thoại đã vén bức màn lịch sử để lí giải nó bằng cái nhìn khoan dung văn hóa; Tạ Duy Anh, Nguyễn Bình Phương chống lại nỗi buồn, sự cô đơn, cảm giác bị lưu đày; Hồ Anh Thái giải thiêng, giải mã tri thức theo thời đại về tôn giáo trong văn học... thì Nguyễn Việt Hà chuyên tâm từ hiện tại luận bàn về niềm tin và đức tin thông qua tôn giáo. Tiểu thuyết Việt Nam thực sự đang trong thời kỳ đối thoại sôi nổi. Đúng như Nguyễn Đăng Điệp khẳng định “Nguyên lí đối thoại là nguyên lí cơ bản của tiểu thuyết hiện đại... Nó quy định cách thức tổ chức tự sự, cách xây dựng nhân vật lưỡng diện, soi chiếu cùng lúc các quan điểm kẻ để bảo đảm tính dân chủ trong tự sự” [4]. Nguyễn Việt Hà là nhà văn tiêu biểu cho nguyên lí đối thoại ấy.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1].M.Bakhtin (1992). *Lý luận và thi pháp tiểu thuyết*, Phạm Vĩnh Cư dịch. Trường viết văn Nguyễn Du, Hà Nội, tr 11, 12, 15.
- [2].Tzvetan Todorov (2004). *Mikhail Bakhtin nguyên lí đối thoại*, Đào Ngọc Chương dịch. NXB ĐH Quốc gia, TP Hồ Chí Minh, tr 161.
- [3].M.Bakhtin (1998). *Những vấn đề thi pháp Đôtxtôiépki*, Trần Đình Sử, Lại Nguyên Ân, Vương Trí Nhàn dịch. NXB Giáo dục, Hà Nội, tr 40, 234.
- [4].Nguyễn Đăng Điệp (2012). Tiểu thuyết Nguyễn Xuân Khánh một điển ngôn về lịch sử văn hóa. *Tạp chí Nghiên cứu văn học*, tr 35.

VIETNAMESE NOVELS AFTER THE YEAR OF 1986 –

A VIEW THE THEORY OF DIALOGUES

(A survey via Nguyen Viet Ha's novels)

Le Thi Thuy Hang

Department of Literature and Linguistics, Hue University of Sciences

Email: hangthuy83@gmail.com

ABSTRACT

In Bakhtin's concept system, "polyphony" means "multi-sound" in the most advanced development. The multi-sound characteristics in literature is the expression of dialogue

principles regarded by Bakhtin as a common feature of human thought, since dialogues are the nature of awareness and thinking.

Since 1986, in the innovation of art thinking, novel's concept is one of many issues of nature and rules of Vietnamese literature, which have been analyzed, discussed.

In the innovation of creative thinking and artistic expressions, Vietnamese novelists also create private dialogues in the exciting journey of the world's literature - a form of creative subjectivity. In Bakhtin's theory of dialogues, the selection of "Vietnamese novels after the year of 1986 - the view of the dialogue theory (via the survey of Nguyen Viet Ha's novels)" contributes to the search for human nature of Vietnamese novelists in general, and Nguyen Viet Ha in particular. It is a dialogue rooted in the ideology, at the ideological level in collisions between literature and life.

Keywords: *Dialogue, dialogue principles, re-awareness, discourses*